

Bản án số: 430/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 7 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Từ Duy K, sinh năm 1981; cư trú tại: tổ 32, khóm VB, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1982; cư trú tại: tổ 06, khóm VA, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Từ Duy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông K và bà L tiến đến hôn nhân vào năm 1998 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trầm trọng, hiện đã sống ly thân từ năm 2015. Nay ông K yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà L.

- Về con chung: ông K và bà L có 02 (hai) con chung tên Võ Từ Duy A, sinh ngày 21/12/2001 và Võ Từ Duy H, sinh ngày 15/7/2016. Khi ly hôn ông K đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Từ Duy H, ông K không cấp dưỡng cho con chung. Đối với con chung tên Võ Từ Duy A hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình đề ngày 14/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: thống nhất vợ chồng tiến đến hôn nhân vào năm 1998 và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như ông K trình bày. Nay ông K yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K với bà thì bà đồng ý.

- Về con chung: thống nhất có 02 (hai) con chung tên Võ Từ Duy A, sinh ngày 21/12/2001 và Võ Từ Duy H, sinh ngày 15/7/2016. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Từ Duy H, không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con chung. Đối với con chung tên Võ Từ Duy A hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Ông K và bà L vắng mặt nhưng ông bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng đề ngày 14/6/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa ông K và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tại thời điểm tiến đến hôn nhân ông bà đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K với bà L.

[2.2] Về con chung: ông K và bà L có 02 (hai) con chung tên Võ Từ Duy A, sinh ngày 21/12/2001 và Võ Từ Duy H, sinh ngày 15/7/2016. Khi ly hôn ông K và bà L thống nhất giao con chung tên Võ Từ Duy H cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng; con chung tên Võ Từ Duy H có nguyện vọng sống với bà L. Do đó, để ổn định về tâm lý cũng như ổn định về môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở, sự phát triển bình thường và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Võ Từ Duy H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Võ Từ Duy A hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng: do bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: ông K và bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: ông K phải chịu 300.000đ án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Từ Duy K và bà Võ Thị L.

2. Về con chung: bà Võ Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Võ Từ Duy H, sinh ngày 15/7/2016. Đối với con chung tên Võ Từ Duy A, sinh ngày 21/12/2001 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng: bà Võ Thị L không yêu cầu ông Từ Duy K cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: bà Võ Thị L và ông Từ Duy K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự: ông Từ Duy K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005785 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- UBND TT.Vĩnh Thạnh Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Nguyễn Thị Thu Sương

Trần Văn Quang

